

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ BA**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số 9677/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quy định mức thu, đối tượng thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định mức thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

**1. Đối tượng nộp và không thu phí**

a) Đối tượng nộp: Tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố phù hợp với quy hoạch của thành phố để sản xuất, kinh doanh, tập kết hàng hóa, vật liệu, thi công công trình, lắp đặt bảng, biển, pano, băng rôn quảng cáo, trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô.

b) Không thu phí đối với cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố (ngoài mục đích giao thông) cho việc đám cưới, đám tang.

**2. Mức thu**

Áp dụng thống nhất mức thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để sản xuất, kinh doanh, tập kết hàng hóa, vật liệu, thi công công trình, lắp đặt bảng, biển, pano, băng rôn quảng cáo, trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo quy định tại Phụ lục đính kèm.

**3. Cơ quan thu phí**

a) Cơ quan thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố vào mục đích sản xuất, kinh doanh, tập kết vật liệu, thi công công trình:

- Sở Giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng thu đối với trường hợp cấp Giấy phép cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố ngoài mục đích giao thông tại các tuyến đường theo phân cấp.

- Ủy ban nhân dân các quận, huyện thu đối với trường hợp cấp Giấy phép cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố ngoài mục đích giao thông tại các tuyến đường theo phân cấp.

b) Cơ quan thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố vào mục đích đặt bảng quảng cáo (trừ khu vực các chợ): Trung tâm Quản lý Quảng cáo Đà Nẵng thuộc Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

c) Cơ quan thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố vào mục đích đặt bảng quảng cáo tại khu vực các chợ:

- Đối với các chợ thuộc thành phố quản lý: Công ty Quản lý Hội chợ triển lãm và các chợ Đà Nẵng thuộc Sở Công thương.

- Các chợ thuộc quận, huyện quản lý: Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức thu.

#### 4. Chế độ thu, nộp phí

Thực hiện theo quy định tại Luật Phí và lệ phí, Luật Quản lý thuế và các văn bản chi tiết, hướng dẫn thi hành.

#### 5. Chế độ quản lý, sử dụng phí thu được

a) Đối với phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố vào mục đích sản xuất, kinh doanh, tập kết vật liệu, thi công công trình: Cơ quan thu phí được để lại 80% trong tổng số tiền phí thu được để chi phí phục vụ công tác quản lý, chi phí cho công tác thu phí. Số còn lại 20% nộp vào ngân sách nhà nước theo phân cấp và Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Đối với phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố vào mục đích đặt bảng quảng cáo (trừ khu vực các chợ): Cơ quan thu phí được để lại 30% trong tổng số tiền phí thu được để chi hoạt động của đơn vị, phục vụ công tác quản lý và thu phí; phần còn lại 70% nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

c) Đối với phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố vào mục đích đặt bảng quảng cáo tại khu vực các chợ: Cơ quan thu phí được trích 30% trong tổng số tiền phí thu được để chi phí phục vụ công tác quản lý, chi phí cho công tác thu phí; phần còn lại 70% nộp vào ngân sách nhà nước theo phân cấp và Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

d) Hằng năm, tổ chức thu phí phải quyết toán thu, chi theo quy định. Sau khi quyết toán thu, chi đúng chế độ, số tiền phí được để lại chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và bãi bỏ Điều a, Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 19/2011/NQ-HĐND ngày

22 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân khóa VIII, nhiệm kỳ 2011 - 2016, kỳ họp thứ 13 về quy định, điều chỉnh, bổ sung một số loại phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; thay thế Nghị quyết số 116/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân khóa VIII, nhiệm kỳ 2011 - 2016, kỳ họp thứ 15 về quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí sử dụng lề đường, vỉa hè để sản xuất, kinh doanh, đặt bảng quảng cáo đối với các đường loại 6, loại 7 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban, các tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng Khóa IX, Kỳ họp thứ ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND QH, Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Các Bộ: Tài chính, GTVT, VH TT&DL, Công thương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- BTV Thành ủy, các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy;
- ĐB HĐND thành phố; Đoàn ĐBQH thành phố;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- VP HĐND, VP UBND thành phố;
- Các Sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Quận, huyện ủy; HĐND, UBND, UBMTTQVN các quận, huyện;
- HĐND, UBND các phường, xã;
- Báo ĐN, Báo CATP ĐN, Đài PTTH ĐN, Trung tâm TTVN (VTV8), Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TH.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Anh**



**MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG TẠM THỜI LÒNG ĐƯỜNG, HÈ PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

(Ban hành Kèm theo Nghị quyết số **57** NQ-HĐND ngày **08** tháng **12** năm **2016**  
của HĐND thành phố Đà Nẵng)

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
<b>1</b>	<b>Sử dụng để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thường xuyên (cả ban ngày và ban đêm)</b>		
	Đường loại 1	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	50,000
	Đường loại 2	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	34,000
	Đường loại 3	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	25,000
	Đường loại 4	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	17,000
	Đường loại 5	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	8,000
	Đường loại 6	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	5,000
	Đường loại 7	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	3,000
	Trường hợp thời gian sử dụng không liên tục trong cả ngày (chỉ sử dụng một buổi), các đối tượng được phép sử dụng hè phố tập kết vật liệu xây dựng, thi công công trình thì tính thu bằng 50% mức thu nêu trên (tính theo từng loại đường)		
<b>2</b>	<b>Sử dụng để trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô:</b>		
	Đường loại 1	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	17,000
	Đường loại 2	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	14,000
	Đường loại 3	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	10,000
	Đường loại 4	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	7,000
	Đường loại 5	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	3,000
	Đường loại 6	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	3,000
	Đường loại 7	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	3,000

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
<b>3</b>	<b>Sử dụng để đặt bảng, biển, pano quảng cáo và các hình thức tương tự khác</b>		
<b>a</b>	<b>Trên lề đường, vỉa hè</b>		
	Đường loại 1	đồng/m <sup>2</sup> /năm	130,000
	Đường loại 2	đồng/m <sup>2</sup> /năm	90,000
	Đường loại 3	đồng/m <sup>2</sup> /năm	50,000
	Đường loại 4	đồng/m <sup>2</sup> /năm	35,000
	Đường loại 5	đồng/m <sup>2</sup> /năm	20,000
	Đường loại 6	đồng/m <sup>2</sup> /năm	15,000
	Đường loại 7	đồng/m <sup>2</sup> /năm	10,000
<b>b</b>	<b>Nơi giao nhau</b>		
	Đường loại 1	đồng/m <sup>2</sup> /năm	260,000
	Đường loại 2	đồng/m <sup>2</sup> /năm	170,000
	Đường loại 3	đồng/m <sup>2</sup> /năm	100,000
	Đường loại 4	đồng/m <sup>2</sup> /năm	70,000
	Đường loại 5	đồng/m <sup>2</sup> /năm	40,000
	Đường loại 6	đồng/m <sup>2</sup> /năm	30,000
	Đường loại 7	đồng/m <sup>2</sup> /năm	20,000
<b>c</b>	<b>Trên giải phân cách</b>		
	Không phân biệt loại đường	đồng/m <sup>2</sup> /năm	400,000
<b>d</b>	<b>Vị trí đặc biệt</b>		

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
	Nhà ga, sân bay, bến tàu, bến xe, bến cảng, ven bờ sông Hàn (trừ mặt hướng về phía đường Trần Hưng Đạo tính theo loại đường)	đồng/m <sup>2</sup> /năm	400,000
	Các vị trí ven sông Cẩm Lệ	đồng/m <sup>2</sup> /năm	100,000
	Các vị trí khu vực Nam hầm Hải Vân	đồng/m <sup>2</sup> /năm	100,000
	Các vị trí nằm dọc quốc lộ 1A (đoạn từ cầu vượt Hòa Cẩm đến trạm thu phí)	đồng/m <sup>2</sup> /năm	100,000
<b>4</b>	<b>Sử dụng để đặt băng rôn, phướn và các hình thức tương tự</b>		
<b>a</b>	<b>Trên vỉa hè</b>		
	Đường loại 1	đồng/cái/lần	200,000
	Đường loại 2	đồng/cái/lần	140,000
	Đường loại 3	đồng/cái/lần	80,000
	Đường loại 4	đồng/cái/lần	60,000
	Đường loại 5	đồng/cái/lần	50,000
	Đường loại 6	đồng/cái/lần	35,000
	Đường loại 7	đồng/cái/lần	25,000
<b>b</b>	<b>Trên vỉa hè nơi giao nhau</b>	đồng/cái/lần	<b>300,000</b>
<b>c</b>	<b>Trên giải phân cách</b>	đồng/cái/lần	<b>300,000</b>

Tại STT 3, 4: Đối với kiệt, hèm: Khoảng cách từ bảng, biển quảng cáo đến đường phố chính (tính từ tường trước mặt của nhà mặt tiền) trên 25mét tính giảm 20% so với quảng cáo ở vỉa hè đường phố chính